

Bản án số: 279/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019.
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng**
2. Ông **Ngô Văn Được**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 18.01.2019 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 577/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 516/2019/QĐST – DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH nông nghiệp M.

Địa chỉ: Quốc lộ 54, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc công ty.

Người địa diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1994. Chức vụ: Nhân viên kinh doanh (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Tổng Văn C**, sinh năm 1950 (có mặt).

Chức vụ: Chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp H.

Địa chỉ: Số 301, tổ 7, ấp 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị M1, sinh năm 1952 (có mặt).

Anh Tổng Thanh G, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng ngụ số 301, tổ 7, ấp 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tổng Thanh G là ông Lương Tổng T, sinh năm 1964. Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2019 và ngày 20/3/2019 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3/73, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 118/6B đường R, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH NN M do anh Huỳnh Ngọc T làm đại diện theo pháp luật trình bày: Từ ngày 05/5/2018 đến ngày 16/05/2018 Công ty TNHH nông nghiệp M có mua bán vật tư nông nghiệp bằng hình thức bán hàng qua điện thoại, giao hàng xong nhận tiền mặt và chuyển khoản, lãi suất đối với khoản nợ và các đơn hàng quá hạn thanh toán theo hợp đồng là 1%/tháng. Ông C là người trực tiếp giao dịch và nhận hàng, thanh toán tiền tại cửa hàng vật tư nông nghiệp H, có làm giấy tờ nhưng ông C không ký nhận, bà M1 không trực tiếp giao dịch với đại diện của công ty. Ngày 16/5/2018, anh G liên hệ trực tiếp qua điện thoại đặt hàng và Công ty M giao hàng tại Cửa hàng Vật tư nông nghiệp B tại huyện P theo thỏa T giữa công ty M với Cửa hàng Vật tư nông nghiệp H, có phiếu ký nhận của công ty. Đến nay Tổng số tiền cửa hàng vật tư nông nghiệp H – Đại diện ông Tổng Văn C; bà Phan Thị M1 và ông Tổng Thanh G còn nợ 318.000.000 đồng.

Đến ngày 05/7/2018 trả 20.000.000 đồng; ngày 10/7/2018 trả 5.000.000 đồng; ngày 17/9/2018 trả 10.000.000 đồng; ngày 06/10/2018 trả 15.000.000 đồng và ngày 10/01/2019 trả 2.000.000 đồng, tổng cộng 89.700.000 đồng, còn lại 266.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay, Công ty TNHH NN M yêu cầu anh Tổng Thanh G, ông Tổng Văn C và bà Phan Thị M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho công ty M số tiền vốn 266.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày 10/02/2019 là 21.280.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 287.280.000 đồng. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.000.000 đồng và tiền lãi từ khi khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau ngày 29/11/2019 nếu ông Tổng Văn C, bà Phan Thị M1 và anh Tổng Thanh G vẫn không thanh toán số tiền gốc và lãi 287.280.000 đồng thì công ty vẫn tiếp tục tính lãi suất đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án tranh chấp mua bán tài sản với ông Tổng Văn C.

Tại phiên Tòa ngày 29 tháng 11 năm 2019 bị đơn ông Tổng Văn C trình bày: Ông cũng đồng ý lời trình bày của Công ty TNHH NN M, giữa cửa hàng ông có quan hệ mua bán với Công Ty, nhưng anh G con ông giao dịch và ký nhận nợ với Công Ty ông cũng không hay biết, nhưng anh G đã nợ với Công Ty thì ông đồng ý cùng anh G trả nợ cho Công Ty số tiền 287.280.000 đồng, nhưng nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 266.000.000 đồng và yêu cầu xin phần lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tổng Thanh G là ông Lương Tổng T trình bày: Anh G với tư cách là cá nhân tham gia giao dịch với tư cách đại diện của công ty TNHH NN Nông nghiệp M mua bán vật tư nông nghiệp. Cửa hàng vật tư nông nghiệp H do anh G tự lập ra, thuê bà Diệp Quốc T (do bà T có chứng chỉ hành nghề) nên bà T đứng tên giấy phép kinh doanh. Bà T không có mối quan hệ với anh G. Đối với số nợ công ty M khởi kiện, sẽ đối chiếu lại.

Tại phiên Tòa ngày 29 tháng 11 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M1 trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông C là chồng bà, bà không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Từ ngày 05/5/2018 đến 16/5/2018, Công ty M thỏa T mua bán vật tư nông nghiệp với đại lý vật tư nông nghiệp H (đại diện Tổng Văn C, Tổng Thanh G, Phan Thị M1), có ký hợp đồng kinh tế, lãi suất 1%/tháng đối với khoản nợ và đơn hàng quá hạn thanh toán. Đến nay, đại lý vật tư nông nghiệp H còn nợ số tiền 318.000.000 đồng, có làm biên bản xác nhận công nợ do ông G ký ngày 03/6/2018. Từ ngày 05/7/2018 đến 10/01/2019, ông G có trả tổng cộng 89.700.000 đồng còn nợ lại 266.000.000 đến nay chưa trả. Nay, công ty M yêu cầu ông C, bà M1, ông G liên đới trả Công ty 266.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày 10/02/2019 là 21.280.000 đồng, tổng vốn và lãi 287.280.000 đồng. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.000.000 đồng và số tiền lãi từ khi khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Phía ông G cho rằng: Đại lý vật tư nông nghiệp H là do ông G tự lập ra, có thuê bà Diệp Quốc T đứng tên trên giấy phép kinh doanh. Đối với số nợ công ty M nêu ông G sẽ tiến hành đối chiếu lại. Riêng, ông C, bà M1 không đồng ý liên đới cùng ông G trả nợ.

Xét thấy, căn cứ khởi kiện của Công ty M là hợp đồng mua bán tài sản ngày 05/5/2018 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa T, lập thành văn bản và biên bản xác nhận công nợ ngày 03/6/2018, cả hai đều có chữ ký xác nhận của ông G. Do ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M khởi kiện là phù hợp Điều 430,

440 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông C, bà M1 thống nhất, tự nguyện Công ty M 287.280.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Việc Công ty M rút yêu cầu 17.000.000 đồng và số tiền lãi từ khi khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M.
- Buộc ông Tổng Văn C, bà Phan Thị M1 và ông Tổng Thanh G liên đới trả Công ty M vốn, lãi 287.280.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với số tiền 17.000.000 đồng và lãi suất từ khi khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp ông Tổng Văn C, bà Phan Thị M1 đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông C, bà M1 không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Tổng Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M, anh Tổng Thanh G ngụ ấp 1, xã K, huyện C, tỉnh An G, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tổng Thanh G là ông Lương Tổng T được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Qua lời khai của anh Huỳnh Ngọc T đại diện Công ty TNHH NN M, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa Công ty TNHH NN M với ông C xác lập hợp đồng mua bán với nhau trên cơ sở tự nguyện bằng hình thức bán hàng qua điện thoại, giao hàng xong nhận tiền mặt và chuyển khoản, lãi suất đối với khoản nợ và các đơn hàng quá hạn thanh toán theo hợp đồng là 1%/tháng. Ông C là người trực tiếp giao dịch và nhận hàng, thanh toán tiền tại cửa hàng vật tư nông nghiệp H, có làm giấy tờ nhưng ông C không ký nhận, bà M1 không trực tiếp giao dịch với đại diện của công ty. Ngày 16/5/2018, anh G liên hệ trực tiếp qua điện thoại đặt hàng và Công ty M giao hàng. Đến nay tổng số tiền cửa hàng vật tư nông nghiệp H – Đại diện là ông Tổng Văn C; bà Phan Thị M1 và ông Tổng Thanh G còn nợ 318.000.000 đồng. Sau các lần trả Công ty vật tư nông nghiệp H còn nợ lại số tiền 266.000.000 đồng.

Nay yêu cầu anh Tổng Thanh G, ông Tổng Văn C và bà Phan Thị M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho công ty M số tiền vốn 266.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày 10/02/2019 là 21.280.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 287.280.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng). Xét thấy việc mua bán giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông C, bà M1, ông G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi Công ty TNHH NN M có yêu cầu thu hồi vốn làm Tệ thời quyền lợi của Công ty. Trong quá trình hòa giải ông C, bà M1 vắng mặt và cũng không gợi ý kiến trình bày đề Hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa ông C, bà M1 có mặt và thừa nhận nợ cùng anh G số tiền vốn và lãi là 287.280.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 287.280.000 đồng, sự tự nguyện này không được phía Công Ty chấp nhận. Công ty M xuất trình chứng cứ là các hợp đồng mua bán do Cửa hàng H với Công Ty, tuy nhiên cửa hàng H là chủ nhưng ông G là người giao dịch do vậy yêu cầu của Công ty có căn cứ được quy định tại Điều 430, 440 Bộ Luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa Công ty TNHH NN M do anh Huỳnh Ngọc T đại diện theo pháp luật yêu cầu khởi kiện đối với cửa hàng H cùng bà Phan Thị M1 với ông Tổng Thanh G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 266.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 10/7/2018 đến ngày 10/02/2019 do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này.

[3] Về lãi suất: Công ty TNHH M rút lại yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/01/2019 cho đến ngày 29/11/2019 và số tiền 17.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nghĩa nên chấp nhận yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông C, bà M1 thuộc trường hợp miễn, giảm, thu, nộp án phí và có đơn miễn giảm án phí, nên ông C, bà M1 không phải chịu án phí. Anh Tổng Thanh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 219, 228, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M

Buộc ông Tổng Văn C, bà Phan Thị M1, anh Tổng Thanh G có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH NN M số tiền mua bán:

Số tiền vốn: 266.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng)

Tiền lãi: 21.280.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng)

Tổng cộng vốn và lãi: 287.280.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi T hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công Ty M đối với số tiền 17.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 18/01/2019 đến ngày 29/11/2019.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tổng Thanh G phải chịu 14.364.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Công ty TNHH M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.287.000đ (bảy triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012490 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn